

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14 /2016/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 6386/TTr-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách thành phố là cơ sở để giao dự toán chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2016-2020, là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách thành phố và ngân sách các quận, huyện giai đoạn 2016-2020. Đồng thời là căn cứ để thành phố quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách thành phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Phương án phân bổ

Tổng số vốn phân bổ từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện hàng năm trong giai đoạn 2016 - 2020 không vượt quá 20% số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách thành phố (nguồn vốn ngân sách tập trung).

Điều 4. Các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách thành phố phân bổ cho ngân sách các quận, huyện giai đoạn 2016 - 2020

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách thành phố được phân bổ cho ngân sách các quận, huyện để thực hiện duy tu sửa chữa, nâng cấp các công trình đã có chuẩn bị đầu tư và triển khai các dự án mới về hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc quận, huyện quản lý không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc các ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; cơ sở vật chất phục vụ quản lý nhà nước về cây trồng, vật nuôi và dịch hại; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp: Các dự án đầu tư mạng lưới điện chiếu sáng đảm bảo an ninh, trật tự tại địa phương trên các tuyến đường mặt cắt lòng đường từ 5,5m trở xuống, trừ các dự án khu dân cư mới.

3. Thương mại: Các dự án chợ dân sinh.

4. Giao thông: Các dự án hạ tầng giao thông kiệt, hẻm, giao thông nội bộ; các tuyến đường có mặt cắt từ 7,5m trở xuống.

5. Cấp thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp, thoát nước; nạo vét kênh, mương; xử lý chống ngập úng tại các tuyến đường có mặt cắt từ 7,5m trở xuống trừ các tuyến thoát nước chính của thành phố.

6. Kho tàng: Các dự án kho tàng, bến bãi, kho lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng của địa phương.

7. Văn hóa: Các dự án văn hóa như nhà sinh hoạt cộng đồng; thư viện, trung tâm văn hóa thể thao quận, huyện, phường, xã; các công trình di tích lịch sử (không thuộc phạm vi quản lý của thành phố).

8. Thể thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao của địa phương.

9. Du lịch: Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch tại các điểm, địa bàn du lịch của địa phương được quy hoạch.

10. Thông tin và truyền thông: Các dự án thông tin truyền thông, phát thanh, thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội và công ích thiết yếu.

11. Khoa học, công nghệ và công nghệ thông tin: Xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

12. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án đầu tư xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp các cấp học từ mầm non đến trung học cơ sở.

13. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các dự án trung tâm y tế xã, phường; trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định thuộc quận, huyện.

14. Xã hội: Các dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe; cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác; cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ tại địa phương.

15. Tài nguyên và môi trường: Các dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, các công trình quan trắc cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường tại địa phương.

16. Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà làm việc của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân, các đoàn thể cấp quận, huyện, phường, xã.

17. Quốc phòng, an ninh: Các công trình, dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của quận, huyện.

18. Các công trình cơ sở vật chất khác do quận, huyện quản lý.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện giai đoạn 2016 - 2020

1. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn cho các dự án sử dụng vốn ngân sách thành phố phân bổ cho ngân sách các quận, huyện giai đoạn 2016 - 2020

a) Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

b) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

c) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công; Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

2. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn

a) Thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế xã hội của các quận, huyện trọng điểm có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách thành phố với việc ưu tiên hỗ trợ các quận, huyện khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các quận, huyện trong thành phố. Riêng đối với huyện đảo Hoàng Sa, thành phố sẽ phân bổ toàn bộ vốn theo nhu cầu của đơn vị đối với từng công trình.

c) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện được thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020.

d) Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách thành phố, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

đ) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

3. Các tiêu chí phân bổ vốn

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách thành phố cho các quận, huyện gồm 04 nhóm sau đây:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Số dân trung bình; Số người dân tộc thiểu số của các quận, huyện.

b) Tiêu chí trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn của thành phố); Thu nội địa được phân cấp quản lý (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuế xuất nhập khẩu); Tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố.

c) Tiêu chí diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên của các quận, huyện; Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Đơn vị hành chính cấp phường, xã; Đơn vị hành chính cấp xã miền núi.

4. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số, bao gồm 02 tiêu chí: Số dân trung bình; Số người dân tộc thiểu số của các quận, huyện. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí số dân trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Đến 150.000 người	10
Trên 150.000, cứ tăng thêm 25.000 người được tính thêm	1

Dân số trung bình của các quận, huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ theo số liệu năm 2014 của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 1.000 người dân tộc thiểu số được	1

Số người dân tộc thiểu số của các quận, huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ theo số liệu năm 2014 của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng.

b) Tiêu chí trình độ phát triển, bao gồm 03 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn của thành phố), Thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuế xuất nhập khẩu); Tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố.

(1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn của thành phố):

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 3% hộ nghèo	5
Trên 3%, cứ tăng 1% hộ nghèo được tính thêm	1

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn của thành phố) để tính toán điểm được xác định căn cứ theo số liệu năm 2014 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuế xuất nhập khẩu):

Thu nội địa	Điểm
Đến 300 tỷ đồng	6
Trên 300 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1
Trên 500 tỷ đồng, cứ 50 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	0,5

Số thu nội địa của các quận, huyện (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuế xuất nhập khẩu) để tính toán điểm được xác định căn cứ theo số liệu năm 2014 do Sở Tài chính cung cấp.

(3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố:

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố	Điểm
Cứ 30% điều tiết về ngân sách thành phố	2
Trên 30% đến 50%, cứ 10% điều tiết về ngân sách thành phố được tính thêm	1
Trên 50%, cứ tăng 10% điều tiết về ngân sách thành phố được tính thêm	0,5

Tỷ lệ điều tiết của ngân sách quận, huyện về ngân sách thành phố căn cứ theo số liệu năm 2011, năm đầu thời kỳ ổn định 2011 - 2015 (theo quy định tại Quyết định số 41/2010/QĐ-UBND ngày 06/12/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố).

c) Tiêu chí diện tích, bao gồm 02 tiêu chí: Diện tích đất tự nhiên; Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(1) Diện tích đất tự nhiên:

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 100 km ²	8

Trên 100 km ² đến 500 km ² , cứ 100 km ² tăng thêm được tính thêm	1
Trên 500 km ² , cứ 100 km ² tăng thêm được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên để tính toán điểm được xác định căn cứ theo số liệu năm 2014 của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng cung cấp.

(2) Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên:

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 1% được tính	1
Trên 1% , cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,5

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp để tính toán điểm căn cứ theo số liệu năm 2014 của Cục Thống kê thành phố Đà Nẵng cung cấp.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp phường, xã, bao gồm 02 tiêu chí: Đơn vị hành chính cấp phường, xã; Đơn vị hành chính cấp xã miền núi.

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp phường, xã:

Đơn vị hành chính cấp phường, xã	Điểm
Đến 10 phường, xã	8
Trên 10 phường, xã; cứ 01 phường, xã tăng thêm được tính	1

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi

Đơn vị hành chính cấp xã miền núi	Điểm
Mỗi xã miền núi được tính	1

Số đơn vị hành chính cấp phường, xã và cấp xã miền núi để tính toán điểm căn cứ theo số liệu năm 2014 của Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng cung cấp.

5. Phương pháp tính mức vốn được phân bổ

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng quận, huyện và tổng số điểm của 08 quận, huyện làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí dân số của quận, huyện thứ i là: A_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí số dân trung bình của quận, huyện thứ i là h_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số của quận, huyện thứ i là k_i .

Điểm của tiêu chí dân số quận, huyện thứ i sẽ là:

$$A_i = h_i + k_i$$

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của quận, huyện thứ i là B_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo quận, huyện thứ i là n_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa quận, huyện thứ i là o_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách thành phố của quận, huyện thứ i là p_i .

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển quận, huyện thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i + p_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của quận, huyện thứ i là C_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên của quận, huyện thứ i là q_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên tổng diện tích đất tự nhiên của quận, huyện thứ i là r_i .

Điểm của tiêu chí diện tích quận, huyện thứ i sẽ là:

$$C_i = q_i + r_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã của quận, huyện thứ i là D_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp phường, xã của quận, huyện thứ i là s_i .

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã miền núi của quận, huyện thứ i là v_i .

Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã quận, huyện thứ i sẽ là:

$$D_i = s_i + v_i$$

- Gọi tổng số điểm của quận, huyện thứ i là X_i thì:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i$$

- Gọi tổng số điểm của 08 quận, huyện là Y , ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^8 X_i$$

b) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ được tính theo công thức:

- Gọi K là số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách thành phố phân bổ cho ngân sách các quận, huyện hàng năm trong giai đoạn 2016-2020 (K được tính bằng 20% số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách thành phố trong năm đó).

- Gọi Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách thành phố phân bổ cho ngân sách các quận, huyện được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách thành phố phân bổ cho ngân sách từng quận, huyện từng quận, huyện (nguồn vốn ngân sách tập trung):

$$V_i = Z \times X_i$$

6. Vốn đầu tư phân cấp cho ngân sách quận, huyện giai đoạn 2016 - 2020

a) Vốn đầu tư phân cấp cho các quận huyện năm 2016: được giao tại Quyết định số 9169/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 (về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2016).

b) Vốn đầu tư phân cấp cho các quận huyện năm 2017 được tính theo các nguyên tắc, tiêu chí và cách tính điểm nêu trên; trường hợp số vốn của các quận, huyện theo cách tính điểm thấp hơn so với số vốn đã giao tại Quyết định số 9169/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố thì lấy bằng số vốn đã giao tại Quyết định.

c) Vốn đầu tư phân cấp cho các quận, huyện các năm 2018 - 2020, được tính tăng 10% mỗi năm so với kế hoạch vốn năm trước đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 6. Các chương trình hỗ trợ quận, huyện từ nguồn vốn ngân sách thành phố giai đoạn 2016-2020

Bên cạnh số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách thành phố phân bổ cho ngân sách các quận, huyện hàng năm trong giai đoạn 2016-2020, thành phố sẽ hỗ trợ thêm cho các quận, huyện từ nguồn ngân sách thành phố để triển khai các dự án thuộc các Chương trình hỗ trợ sau:

a) Xem xét đầu tư cho các công trình có tác động liên vùng, khu vực có tổng mức đầu tư thuộc từ nhóm C trọng điểm trở lên.

b) Vốn đối ứng của thành phố cho các công trình được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Trung ương.

c) Đầu tư các công trình thuộc chương trình Nông thôn mới.

d) Bố trí vốn cho các công trình trường tiểu học đảm bảo học ngày 02 buổi để trả nợ gốc và lãi vay cho Quỹ đầu tư phát triển và các chi phí khác có liên quan đối với công trình đã đầu tư trong năm 2016 về trước.

đ) Các công trình do giải tỏa.

e) Các công trình khác theo ý kiến Kết luận của Lãnh đạo thành phố.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của Luật Đầu tư công về phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách các quận, huyện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban, các tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng Khoá IX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 11 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 8 năm 2016./.

CHỦ TỊCH
Nguyễn Xuân Anh